

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067200802 - V k thu t x^a y d ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030488	36CXD2	Tr n Minh	B o	03/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
2	3671031943	36CXD2	Bùi Hòa	Bình	08/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
3	3671030472	36CXD2	V½VÑh	C ng	30/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3671050415	36CXD2	Nguy n H VHO	C ng	05/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3671030398	36CXD2	Nguy n Duy	Châu	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
6	3671032034	36CXD2	Nguy n Th ¼nh	Dôn	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
7	3671031851	36CXD2	Châu Quang	ñ i	15/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671030337	36CXD2	Nguy n Th ¼nh	ñ ng	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3671030404	36CXD2	Tr nh Nam	Hi p	28/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
10	3671031860	36CXD2	Nguy n Duy Huy	Hoàng	10/04/1994				5.4			5.4	1.6	1.5	1.1	2.7	
11	3671030416	36CXD2	VHNg c	Lâm	10/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3671030381	36CXD2	Tr ng Quang	L u	28/03/1994				4.1			4.1	1.2	2.5	1.8	3.0	
13	3671030361	36CXD2	Huỳnh Tr ́	Tài	22/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671030399	36CXD2	L u Thanh	Tài	07/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
15	3671030516	36CXD2	Võ Thanh	Toàn	28/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
16	3671030349	36CXD2	Nguy n Th ́i Anh	Tu n	02/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671030356	36CXD2	Nguy n Anh	Vi t	10/08/1991				3.3			3.3	1.0	3.2	2.2	3.2	
18	3671030458	36CXD2	Tr n C»ng	Vinh	10/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
19	3671030478	36CXD2	V½VÑh	V ng	15/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

T ñg s : 19 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa